

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/DS-ST

Ngày 27 - 3 - 2025

V/v Tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Tuấn.

Ông Trần Hoàng Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Trương Chí Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1072/2024/TLST-DS ngày 12/12/2024 về việc “*Tranh chấp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 05/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng K, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà K có mặt, bà N và ông K1 có đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2024, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Thời gian trước đây giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch hui với nhau, hui do nguyên đơn làm chủ, bị đơn là thành viên, quá trình giao dịch hui thì 02 bên có kết nợ nội dung bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 80.200.000 đồng (việc kết nợ có làm biên nhận).

Vào ngày 15/11/2020 âm lịch nguyên đơn làm chủ 01 dây hui, loại hui 3.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hui gồm có 29 chung, bị đơn tham gia chơi 01 chung. Quá trình khui hui bị đơn đã bỏ hui và được hốt hui số tiền 66.800.000 đồng (đã trừ cò 1.200.000 đồng), nguyên đơn đã giao tiền hui đầy đủ cho bị đơn nhận và có

làm biên nhận. Sau khi hốt hui thì bị đơn không đóng hui chết đầy đủ cho nguyên đơn và hui hiện nay đã mãn, tổng số tiền hui chết nguyên đơn đã xuất ra đóng thay cho bị đơn đến mãn hui là 31.000.000 đồng, đã trả được 3.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Tổng số tiền hui bị đơn còn nợ 108.200.000 đồng, nguyên đơn đã yêu cầu hoàn trả nhiều lần, nhưng không thực hiện, từ đó phát sinh tranh chấp.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bị đơn có trách nhiệm trả số tiền là 108.200.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa ngày 25/3/2025, thể hiện: Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn đối với các giao dịch hui là đúng, việc chốt nợ và hốt hui đều có biên nhận và bị đơn có ký tên xác nhận. Nhưng số tiền hốt hui 66.800.000 đồng bị đơn không có nhận, mà nguyên đơn dùng trừ cần ở khoản nợ 80.200.000 đồng, đồng thời xác định khoản nợ 80.200.000 đồng là có lãi và trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng. Xét thấy việc chậm thanh toán tiền hui cho nguyên đơn là có thiệt hại cho nguyên đơn, nên vẫn thống nhất với số tiền hui theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nay đồng ý cùng ông K1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 108.200.000 đồng.

- Lời trình bày của ông K1 có tại hồ sơ, thể hiện: Ông K1 xác định việc chơi hui giữa nguyên đơn với bị đơn là nguồn tiền của gia đình và tiền hốt hui thì cũng dùng vào trang trải trong cuộc sống vợ chồng, ông K1 thừa nhận số nợ nguyên đơn yêu cầu là nợ chung của vợ chồng.

Nay đồng ý cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn trả lại tổng số tiền 108.200.000 đồng cho nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền hui 108.200.000 đồng. Án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ hui và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hui*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] *Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu và ý kiến của các đương sự:*

[3.1] Các đương sự đã thống nhất với nhau về việc giao dịch hui và quá trình thực hiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận số tiền nợ hui theo yêu cầu của nguyên đơn 108.200.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS nên cần ghi nhận.

[3.2] Nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ liên đới của vợ chồng bị đơn, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn thực hiện trả nợ, đây là quyền định đoạt của nguyên đơn, nên cần chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 BLTTDS và khoản 1 Điều 288 Bộ luật dân sự (BLDS). Do đó, cần buộc cá nhân bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 108.200.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 BLDS; Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường (Nghị định số: 19);

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết số: 326). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 BLTTDS; Khoản 1 Điều 288, Điều 471 BLDS; Điều 23 Nghị định số: 19; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng K.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Huỳnh N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Hồng K tổng số tiền hui 108.200.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Huỳnh N phải nộp là 5.410.000 đồng (Chưa nộp).
- Nguyên đơn bà Phạm Hồng K đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 2.705.000 đồng theo biên lai thu số: 0005032 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Huỳnh Hải